|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH THÁI BÌNH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

### CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

**BẬC ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

##### 1. Giới thiệu

##### *1.1. Tên ngành đào tạo*

##### - Tiếng Việt: Quản trị Kinh doanh

- Tên tiếng Anh: Business Administration

***1.2. Trình độ đào tạo:*** Đại học

## 2. Mục tiêu đào tạo

|  |  |
| --- | --- |
| ***2.1. Mục tiêu kiến thức*** | |
| **MT1** | *Kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành*  - Cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về văn hóa, chính trị, xã hội, pháp luật phù hợp với ngành học và yêu cầu phát triển đất nước, nâng cao khả năng đóng góp hữu hiệu của người học vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng. |
| **MT2** | *Kiến thức chuyên ngành*  - Cung cấp kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản trị kinh doanh như: marketing, quản trị nhân sự, quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, quản trị chuỗi cung ứng, quản trị dự án đầu tư, quản trị bán hàng... và một số vấn đề cơ bản của quản lý doanh nghiệp như khởi tạo kinh doanh và tái lập doanh nghiệp, tài chính, kế toán, luật,...  - Cung cấp kiến thức về lý thuyết và khả năng vận dụng các công cụ phân tích để đánh giá hoạt động tài chính, ra quyết định liên quan đến tài chính của doanh nghiệp |
| ***2.2. Mục tiêu kỹ năng*** | |
| **MT3** | *Kỹ năng chung*  - Trang bị những kỹ năng nhằm phát triển các năng lực cá nhân phù hợp với môi trường công việc kinh doanh, sáng tạo và năng động; thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm. |
| **MT4** | Kỹ năng chuyên ngành  - Có kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề  - Có kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh  - Có kỹ năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề trong cuộc sống, nghề nghiệp |
| ***2.3. Mục tiêu mức độ tự chịu trách nhiệm*** | |
| **MT5** | *Tư tưởng, chính trị*  - Có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có đạo đức, có trách nhiệm xã hội, có năng lực công tác và hoạch định phát triển bản thân. |
| **MT6** | *Trách nhiệm và nghĩa vụ của người làm chuyên môn*  - Có năng lực dẫn dắt về những vấn đề liên quan đến ngành, chuyên ngành được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình |

## 3. Chuẩn đầu ra

|  |  |
| --- | --- |
| ***3.1. Yêu cầu về kiến thức*** | |
| a | *Kiến thức khoa học xã hội, chính trị, tư tưởng*  - Có kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật  - Hiểu và vận dụng được các kiến thức đại cương (toán, xác suất thống kê, công nghệ thông tin) vào việc tính toán, mô phỏng, phân tích, tổng hợp một số vấn đề kinh tế và quản trị kinh doanh |
| b | *Kiến thức cơ bản cơ sở ngành*  - Có phương pháp luận để giải quyết các vấn đề kinh tế, kinh doanh  - Có khả năng hiểu và hệ thống hóa kiến thức cơ bản về các lý thuyết kinh tế, quản lý |
| c | *Kiến thức tin học, ngoại ngữ*  - Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 2 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành  - Sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại, phần mềm chuyên dụng (Microsoft Office, SPSS, ERP, Email, EDI…) trong công việc đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT. |
| d | *Kiến thức liên ngành*  - Có kiến thức tài chính và kế toán để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý |
| e | *Kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong phạm vi của ngành đào tạo*  - Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức.  - Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.  - Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.  - Khả năng ứng dụng kiến thức để phản biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.  - Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh |
| f | *Kiến thức chuyên ngành*  - Có khả năng nhận dạng, phát hiện, phân tích, đánh giá, tổng hợp, tổ chức thực hiện để giải quyết vấn đề cụ thể trong sản xuất, kinh doanh  - Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh; có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh; có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh; có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh.  - Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp  - Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống  - Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề  - Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị |
| g | *Kiến thức chuyên ngành*  - Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh; có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh; có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh; có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh. |
| h | *Kiến thức chuyên ngành*  - Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp  - Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống  - Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn |
| ***3.2. Yêu cầu về kỹ năng*** | |
| 3.2.1. Kỹ năng cứng | |
| a | *Kỹ năng nhận thức*  - Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức  - Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng  - Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp  - Khả năng ứng dụng kiến thức để phản biện và xây dựng chiến lược kinh doanh  - Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh |
| b | *Kỹ năng nghiên cứu*  - Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới |
| c | *Kỹ năng vận dụng*  - Có tư duy phê phán; quản trị bản thân và quản trị tổ chức; phát huy các kinh nghiệm trong phân tích và xử lý các tình huống quản trị kinh doanh |
| d | *Kỹ năng tổng hợp, phân tích đánh giá vấn đề*  - Vận dụng các kiến thức vào thực tiễn hoạch định, tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh và điều hành các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp. Thực hiện các nghiệp vụ quản trị kinh doanh của doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả. Có khả năng giải quyết các công việc đơn giản, thường xuyên xảy ra, có tính quy luật, dự báo được. Có khả năng khởi nghiệp, phát triển cơ hội kinh doanh. |
| e | *Kỹ năng học, tự học*  - Có ý thức tham gia vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí tuệ và tinh thần  - Có khả năng tự học hỏi và cập nhật kiến thức mới vào kinh doanh  - Có khả năng xây dựng mục tiêu cá nhân với sự phát triển nghề nghiệp  - Có khả năng vận dụng các phương pháp, các công cụ để tự nghiên cứu  - Có khả năng nắm bắt và vận dụng công nghệ mới đáp ứng mục tiêu nghề nghiệp |
| f | *Kỹ năng chuyên môn*  - Áp dụng tư duy kinh tế, tư duy hệ thống, tư duy chiến lược trong giải quyết vấn đề hoặc ra quyết định. |
| g | *Kỹ năng chuyên môn*  Kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tổ chức, phân giao công việc, kỹ năng lãnh đạo, kiểm soát tình hình thực hiện công việc. |
| 3.2.2. Kỹ năng mềm | |
| a | *Kỹ năng làm việc hiệu quả, khoa học*  - Có kỹ năng làm việc nhóm: Thành lập và khai thác các nhóm làm việc theo yêu cầu; Tổ chức và vận hành các hoạt động của nhóm; Phát triển nhóm làm việc theo yêu cầu; Lãnh đạo các nhóm làm việc; Liên kết và khai thác các nhóm làm việc khác nhau.  - Có kỹ năng nghiên cứu khoa học để nâng cao kiến thức phục vụ công tác. |
| b | *Kỹ năng trình bày, thuyết trình*  - Có kỹ năng trình bày, thuyết trình và giao tiếp trong kinh doanh một cách có hiệu quả. |
| c | *Kỹ năng giao tiếp, ứng xử*  - Có khả năng thiết lập một cấu trúc giao tiếp hiệu quả với đối tác  - Có khả năng trình bày hiệu quả các vấn đề hay ý tưởng trước cộng đồng  - Có khả năng nghe với tư duy phản biện.  - Có khả năng giao tiếp bằng văn bản và giao tiếp đa phương tiện. |
| 3.2.3. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| a | *Phẩm chất đạo đức, sức khỏe*  - Có sức khỏe tốt, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, áp lực và chấp nhận rủi ro, kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê có tinh thần tìm tòi và khám phá, tự chủ, chính trực, phản biện, sáng tạo. |
| b | *Động cơ thái độ làm việc*  - Chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước  - Có thái độ làm việc nghiêm túc, cầu tiến và sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực cao. |
| c | *Nhận thức ngành nghề, tác phong*  - Có đạo đức nghề nghiệp, chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của tổ chức, hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, thái độ tích cực trong công việc, có tinh thần hợp tác tốt với các đồng nghiệp trong quá trình làm việc, độc lập, chủ động, …; |
| ***3.3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp*** | |
| a | *- Cán bộ quản lý* trong các bộ phận sản xuất kinh doanh, tổ chức của doanh nghiệp (Tổ trưởng sản xuất, Quản đốc phân xưởng, trưởng bộ phận Marketing, tổ chức nhân sự,..) ở các tổ chức, đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh, tổ chức tài chính - ngân hàng. Sau một thời gian công tác, tùy theo quá trình phấn đấu có thể trở thành Trưởng, phó phòng, Giám đốc điều hành, Giám đốc xí nghiệp, Trưởng đơn vị,…, Nhân viên trong các công ty tư vấn về các vấn đề quản trị, kinh doanh như: tư vấn bất động sản, tư vấn bảo hiểm, quản trị dự án đầu tư,… |
| b | *- Tham gia giảng dạy* các học phần quản trị kinh doanh trong các trường cao đẳng, trung cấp nghề, nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh hoặc có thể học tiếp lên trình độ cao hơn. |
| ***3.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường*** | |
|  | - Tiếp tục học tập nâng cao kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu ở trình độ thạc sỹ, tiến sỹ chuyên ngành trong lĩnh vực kinh tế quản trị kinh doanh;  - Có đủ năng lực tiến hành nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh. |
| ***3.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà khoa tham khảo*** | |
|  | - Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;  - Quyết định số 4286/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 6 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường đại học Thái Bình đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy  - Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.  - Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.  - Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.  - Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/1/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.  - Đối chiếu, so sánh, tham khảo và vận dụng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của trường Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Thương Mại, Học viện Tài chính, Học viện Nông nghiệp Việt Nam,… |

### Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHUẨN ĐẦU RA** | | | **MỤC TIÊU ĐÀO TẠO** | | | | | |
| **MT1** | **MT2** | **MT3** | **MT4** | **MT5** | **MT6** |
| **Kiến thức** | | **a** | x |  | x |  |  |  |
| **b** |  | x |  | x |  |  |
| **c** | x |  |  | x |  | x |
| **d** | x | x |  |  |  |  |
| **e** |  | x |  | x | x | x |
| **f** |  | x |  | x |  |  |
| **h** |  | x |  | x |  |  |
| **Kỹ năng** | **Cứng** | **a** |  | x | x | x |  |  |
| **b** |  | x | x | x |  |  |
| **c** |  | x |  | x | x |  |
| **d** |  | x |  | x |  | x |
| **e** |  | x |  | x |  | x |
| **f** |  |  |  | x |  | x |
| **g** |  |  |  | x |  | x |
| **Mềm** | **a** |  |  |  | x |  | x |
| **b** |  |  |  | x |  | x |
| **c** |  |  |  | x |  |  |
| **d** |  |  |  | x |  |  |
| **e** | x |  |  | x |  |  |
| **Thái độ** | | **a** |  |  |  |  | x | x |
| **b** | x |  |  |  | x | x |
| **c** |  |  |  |  | x | x |
| **Cơ hội công việc** | | **a** |  | x |  |  | x | x |
| **b** |  | x |  | x |  | x |

| **MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | |  | **CHUẨN ĐẦU RA** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Kiến thức** | | | | | | | |  | **Kỹ năng** | | | | | | | | | **Thái độ** | | | **Vị trí CV** | |
|  | **Cứng** | | | | | | **Mềm** | | |
| a | b | c | d | e | f | g | h | a | b | c | d | e | f | g | a | b | c | a | b | c | a | b |
| **1. Khối kiến thức giáo dục đại cương** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***1.1. Lý luận chính trị*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Triết học Mác-Lênin | x |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | x | x |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  |
| 3 | Chủ nghĩa XHKH | x |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  |
| 4 | Lịch sử Đảng CSVN | x |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  |
| 5 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | x |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x | x |  |  |  |
| ***1.2. Khoa học tự nhiên - Môi trường*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Toán cao cấp | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 7 | Lý thuyết xác suất thống kê | x | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 8 | Tin học đại cương | x |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 9 | Môi trường và con người | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| ***1.3. Khoa học xã hội*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Pháp luật đại cương | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 11 | Tâm lý học đại cương | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| ***Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Soạn thảo văn bản |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 13 | Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| ***1.4. Ngoại ngữ*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 14 | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh CB1 hoặc Tiếng Nhật CB1) |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 15 | Ngoại ngữ 2 (Tiếng Anh CB2 hoặc Tiếng Nhật CB2) |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| ***1.5. Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 16 | Giáo dục thể chất 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 17 | Giáo dục thể chất 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 18 | Giáo dục thể chất 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 19 | Giáo dục quốc phòng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| **2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 20 | Kinh tế vi mô |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 21 | Kinh tế vĩ mô |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2.2. Kiến thức cơ sở của ngành*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 22 | Marketing căn bản |  | x |  |  |  |  |  |  | x |  | x |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  | x |  |
| 23 | Nguyên lý kế toán |  | x | x |  |  |  |  |  | x |  | x |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 24 | Kinh tế lượng |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 25 | Lý thuyết tài chính tiền tệ |  |  | x | x |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 26 | Nguyên lý thống kê |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 27 | Luật kinh tế |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 28 | Đạo đức KD và VHDN |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  | x |  |  |
| 29 | Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| ***2.3. Kiến thức ngành, chuyên ngành QTKD*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 30 | Quản trị học |  |  |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  | x |  | x | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 31 | Quản trị chiến lược |  |  |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  | x |  | x | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 32 | Quản trị nhân sự |  |  |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  | x |  | x | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 33 | Quản trị tài chính |  |  |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  | x |  | x | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 34 | Quản trịsản xuất |  |  |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  | x |  | x | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 35 | Quản trị Marketing |  |  |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  | x |  | x | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 36 | Quản trị chất lượng |  |  |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  | x |  | x | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 37 | Quản trị dự án đầu tư |  |  |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  | x |  | x | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 38 | Thị trường chứng khoán |  |  | x |  |  | x | x | x | x |  |  |  | x |  | x | x |  |  | x |  |  |  |  |
| 39 | Thống kê doanh nghiệp |  |  |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  | x |  | x | x |  |  | x |  |  |  |  |
| 40 | Kế toán tài chính |  |  | x |  |  | x | x | x | x |  |  |  | x |  | x | x |  |  | x |  |  |  |  |
| 41 | Chuyên đề thực tế |  |  |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  | x |  | x | x |  |  | x |  |  |  |  |
| ***Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Kinh tế quốc tế |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x |  | x | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 43 | Quản trị thương hiệu |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x |  | x | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 44 | Quản trị bán hàng |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |  | x |  | x | x |  |  | x |  |  | x |  |
| ***2.4. Kiến thức bổ trợ ngành*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 45 | Quản trị Khách sạn nhà hàng |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  | x |  |
| 46 | Kinh tế thương mại dịch vụ |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 47 | Toán kinh tế |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 48 | Thuế Nhà nước |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 49 | Tin ứng dụng |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 50 | Ngoại ngữ CN (Tiếng Anh CN hoặc Tiếng Nhật CN) |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 51 | Phân tích hoạt động kinh doanh |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| ***Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 52 | Tâm lý học quản lý |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 53 | Thương mại điện tử |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  | x |  |
| 54 | Hệ thống thông tin quản lý |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| ***3. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 55 | Thực tập cuối khóa |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 56 | Làm Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học một số học phần thay thế Khóa luận) |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  |  |  |
| ***Học phần thay thế Khóa luận*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 56a | Quản trị Kinh doanh |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  | x |  |
| 56b | Quản trị sản xuất nâng cao |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  | x |  |
| 56c | Khởi sự Kinh doanh |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  | x |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hiệu trưởng**  **(đã ký)**  **TS. Nguyễn Thị Kim Lý** | **Trưởng đơn vị**  **(đã ký)**  **TS. Phạm Thị Ánh Nguyệt** |